

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CTMTQG)	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BÔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng	64.133.548	39.237.601	8.241.886	19.600	3.510	1.230.567	25.840	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	47.479.487	39.237.601	8.241.886								
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	90.461	14.481	75.980								
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	153.012	10.968	142.044								
3	Sở Tài chính	174.938	56.403	118.535								
4	Sở Nội vụ	251.282	1.266	250.016								
5	Sở Xây dựng	1.574.852	1.151.356	423.496								
6	Thanh tra tỉnh	37.376	237	37.139								
7	Sở Tư pháp	52.138		52.138								
8	Sở Văn hóa và Thể thao	533.259	104.123	429.136								
9	Sở Du lịch	2.072.439	2.020.000	52.439								
10	Sở Công Thương	123.976		123.976								
11	Sở Khoa học và Công nghệ	266.789	66.754	200.035								
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.890.578	3.601	1.886.977								
13	Sở Y tế	1.435.825	121.392	1.314.433								
14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1.262.448	299.947	962.501								
15	Ban QLDA ĐTXD Nam Định	5.288.647	5.288.647									
16	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Hà Nam	8.371.308	8.371.308									
17	Ban quản lý đầu tư phát triển đô thị và quỹ đất khu vực 1	3.226.450	3.226.450									
18	Ban quản lý đầu tư phát triển đô thị và quỹ đất khu vực 2	3.743.363	3.743.363									
19	Ban Quản lý khu Đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam	1.145.325	1.138.863	6.462								
20	Ban Quản lý khu kinh tế và các Khu công nghiệp	83.830	56.914	26.916								
21	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	4.015.156	4.015.101	55								
22	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	5.958.066	5.957.988	78								
23	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2.402.125	2.402.064	61								
24	Quỹ Đầu tư	60.000	60.000									
25	Văn phòng Tỉnh ủy	624.668	1.077	623.591								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CTMTQG)	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỎ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
26	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	141.510	17.150	124.360								
27	Trường Đại học Hoa Lư	114.225		114.225								
28	Trường Chính trị	48.495		48.495								
29	Trường Cao đẳng nghề Hà Nam	24.681		24.681								
30	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định	51.529	2.500	49.029								
31	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định	11.250		11.250								
32	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Ninh Bình	3.450		3.450								
33	Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Ninh Bình	1.990		1.990								
34	Ban chỉ đạo Phòng chống tội phạm	1.318		1.318								
35	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	545.775	212.566	333.209								
36	Công an tỉnh	467.411	333.128	134.283								
37	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	17.132		17.132								
38	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	9.652		9.652								
39	Hội Người mù tỉnh	4.511		4.511								
40	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	8.707		8.707								
41	Hội Đông y tỉnh	3.930		3.930								
42	Hội Luật gia tỉnh	1.478		1.478								
43	Hội Người cao tuổi tỉnh	1.814		1.814								
44	Hội Nhà báo tỉnh	3.525		3.525								
45	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	2.072		2.072								
46	Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	4.781		4.781								
47	Hội Khuyến học tỉnh	2.204		2.204								
48	Hội Nạn nhân chất độc da cam - dioxin tỉnh	1.372		1.372								
49	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh	981		981								
50	Hội Liên hiệp thanh niên tỉnh	472		472								
51	Đài Khí tượng thủy văn	387		387								
52	Hội Sinh vật cảnh	222		222								
53	Thống kê tỉnh	2.021		2.021								
54	Thị hành án dân sự tỉnh	300		300								
55	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	1.741		1.741								
56	Tòa án nhân dân tỉnh	1.841		1.841								
57	Cục QLTT tỉnh Nam Định	100	100									
58	Ngân hàng nhà nước khu vực VII	30		30								
59	Đoàn Luật sư	220		220								
60	Hội Hỗ trợ Gia đình liệt sỹ	180		180								
61	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị	380		380								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CTMTQG)	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỎ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
62	Liên đoàn Cầu lông	300		300								
63	Liên đoàn Quần vợt	300		300								
64	Liên đoàn Bóng bàn	300		300								
65	Liên đoàn Võ thuật	100		100								
66	Ban liên lạc cựu chiến binh bị địch bắt tù đày	121		121								
67	Hội Khoa học Lịch sử	150		150								
68	Hội Người khuyết tật	80		80								
69	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	186.030	186.000	30								
70	Hiệp hội Du lịch	150		150								
71	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Ninh Bình	46.567	721	45.846								
72	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam	139.482	562	138.920								
73	Công ty TNHH MTV KTCTTL Mỹ Thành	11.000	11.000									
74	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Ninh	64.126	64.126									
75	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nghĩa Hưng	66.823	66.823									
76	Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản	53.154	53.154									
77	Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy	57.587	57.587									
78	Công ty TNHH MTV KTCTTL Ý Yên	116.266	116.266									
79	Trung tâm giống cây trồng tỉnh Nam Định	3.616	3.616									
80	Kho bạc nhà nước khu vực V (Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới)	50		50								
81	Bảo hiểm xã hội khu vực XIV (Gồm kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng và kinh phí hỗ trợ mua BHXH tự nguyện)	395.000		395.000								
82	Kinh phí chưa thực hiện phân bổ sau sắp xếp, tổ chức lại bộ máy	18.288		18.288								
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	19.600			19.600				-			
III	CHI BỎ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	3.510				3.510			-			
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	1.230.567					1.230.567		-			
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	25.840						25.840	-			
VI	CHI BỎ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	15.374.544										
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-							-			